

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN,**  
**THI ĐẤU THỂ THAO CHO VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI**  
**TUYỂN NĂNG KHIẾU TỈNH VÀ ĐỘI TUYỂN TRẺ TỈNH; TRANG**  
**THIẾT BỊ TẬP HUẤN THỂ THAO CHO HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN**  
**ĐỘNG VIÊN CÁC LỚP NĂNG KHIẾU BÁN TẬP TRUNG.**  
*(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh)*

**A. ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP THỂ LỰC CHUNG CHO VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TRUYỀN TRẺ TỈNH VÀ ĐỘI TUYỂN NĂNG KHIẾU TỈNH:**

| STT | Tên trang thiết bị           | Đơn vị tính | Định mức trang thiết bị có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên |
|-----|------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------|
| 1   | Bóng tập thể lực đa năng     | Quả/20vđv   | 01                                                             |
| 2   | Giàn tạ đôi từ 24kg đến 26kg | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 3   | Giàn tạ đôi từ 4kg đến 22kg  | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 4   | Máy tập ép, mở đùi           | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 5   | Máy tập kéo xô, lưng         | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 6   | Máy tập bấp chuối            | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 7   | Ghế gập bụng                 | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 8   | Ghế căng tập lưng            | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 9   | Khung nâng gối, đu xà        | Bộ/30vđv    | 01                                                             |
| 10  | Tạ tay                       | Bộ/20vđv    | 01                                                             |
| 11  | Cân điện tử                  | Cái/50vđv   | 01                                                             |

**B. ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN, THI ĐẤU THỂ THAO CHUNG CHO: VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI TRUYỀN TRẺ VÀ ĐỘI TUYỂN NĂNG KHIẾU TỈNH; HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN CÁC LỚP NĂNG KHIẾU BÁN TẬP TRUNG CÁC MÔN THỂ THAO:**

| STT | Tên trang thiết bị | Đơn vị tính          | Định mức trang thiết bị thời gian sử dụng dưới 01 năm |             |
|-----|--------------------|----------------------|-------------------------------------------------------|-------------|
|     |                    |                      | Lần thứ nhất                                          | Lần thứ hai |
| 1   | Giày tập thể lực   | Đôi/vđv; Đôi/hlv     | 02                                                    | 02          |
| 2   | Tất                | Đôi/vđv; Đôi/hlv     | 06                                                    | 06          |
| 3   | Quần áo gió        | Bộ/vđv; Bộ/hlv       | 01                                                    | 01          |
| 4   | Khăn tắm           | Chiếc/vđv; Chiếc/hlv | 02                                                    | 02          |
| 5   | Túi đựng đồ        | Chiếc/vđv; Chiếc/hlv | 01                                                    |             |
| 6   | Còi                | Chiếc/hlv            | 01                                                    | 01          |
| 7   | Đồng hồ bấm giây   | Chiếc/hlv            | 01                                                    |             |
| 8   | Mũ mềm             | Chiếc/vđv; Chiếc/hlv | 01                                                    | 01          |

**C. ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN, THI ĐẤU THỂ THAO CHO: VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI TUYỂN TRẺ TỈNH VÀ ĐỘI TUYỂN NĂNG KHIẾU TỈNH; HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN CÁC LỚP NĂNG KHIẾU BÁN TẬP TRUNG TỪNG MÔN THỂ THAO:**

| STT      | Tên trang thiết bị     | Đơn vị tính | Định mức trang thiết bị             |                               |             |                           |
|----------|------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------|-------------|---------------------------|
|          |                        |             | Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên | Thời gian sử dụng dưới 01 năm |             |                           |
|          |                        |             |                                     | Lần thứ nhất                  | Lần thứ hai | Cấp theo ngày, theo tháng |
| <b>I</b> | <b>Môn Bắn cung</b>    |             |                                     |                               |             |                           |
| 1        | Quần áo tập luyện      | Bộ/vđv      |                                     | 02                            |             |                           |
| 2        | Quần áo thi đấu        | Bộ/vđv      |                                     | 01                            | 01          |                           |
| 3        | Áo bắn                 | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 4        | Giày tập luyện         | Đôi/vđv     |                                     | 01                            | 01          |                           |
| 5        | Giày thi đấu           | Đôi/vđv     |                                     | 01                            | 01          |                           |
| 6        | Tất tập luyện          | Đôi/vđv     |                                     | 02                            | 02          |                           |
| 7        | Tất thi đấu            | Đôi/vđv     |                                     | 01                            | 01          |                           |
| 8        | Bao tay cung 1 dây     | Chiếc/vđv   |                                     | 02                            | 02          |                           |
| 9        | Bao tên                | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 10       | Báng cung              | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 11       | Dây cung               | Cuộn/vđv    |                                     | 02                            | 02          |                           |
| 12       | Kìm bắn cho cung 3 dây | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            | 01          |                           |
| 13       | Cần thăng bằng         | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 14       | Thước ngắm             | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 15       | Giá đỡ cung            | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 16       | Tên                    | Hộp/vđv     |                                     | 03                            | 03          |                           |
| 17       | Cánh tên               | Hộp/vđv     |                                     | 18                            | 18          |                           |
| 18       | Chỉnh tên              | Chiếc/vđv   |                                     | 01                            |             |                           |
| 19       | Đầu tên                | Hộp/vđv     |                                     | 06                            | 06          |                           |

|                         |                    |                     |    |    |    |  |
|-------------------------|--------------------|---------------------|----|----|----|--|
| 20                      | Đuôi tên           | Hộp/vđv             |    | 06 | 06 |  |
| 21                      | Lỗi đuôi nhôm      | Túi/vđv             |    | 12 | 12 |  |
| 22                      | Bia, giá đỡ bia    | Bộ/đội              |    | 25 |    |  |
| 23                      | Giấy bia           | Tờ/vđv              |    | 50 | 50 |  |
| 24                      | Kính xem điểm trạm | Chiếc/vđv           |    | 01 |    |  |
| <b>II Môn Bì sắt</b>    |                    |                     |    |    |    |  |
| 1                       | Bảng điểm điện tử  | Bộ/đội              | 04 |    |    |  |
| 2                       | Bộ thi kỹ thuật    | Bộ/đội              | 04 |    |    |  |
| 3                       | Quần áo tập luyện  | Bộ/vđv              |    | 01 | 01 |  |
| 4                       | Quần áo thi đấu    | Bộ/vđv              |    | 02 | 01 |  |
| 5                       | Giày tập luyện     | Đôi/vđv;<br>Đôi/hlv |    | 01 |    |  |
| 6                       | Giày thi đấu       | Đôi/vđv             |    | 01 |    |  |
| 7                       | Bì đích            | Viên/vđv            |    | 05 | 05 |  |
| 8                       | Bì tập luyện       | Bộ/vđv              |    | 01 |    |  |
| 9                       | Bì thi đấu         | Bộ/vđv              |    | 01 |    |  |
| 10                      | Khăn lau bì        | Chiếc/vđv           |    | 01 | 01 |  |
| 11                      | Mũ rộng vành       | Chiếc/vđv           |    | 01 | 01 |  |
| 12                      | Thước đo           | Chiếc/hlv           |    | 01 |    |  |
| <b>III Môn Bóng bàn</b> |                    |                     |    |    |    |  |
| 1                       | Bàn bóng bàn       | Chiếc/đội           | 12 |    |    |  |
| 2                       | Đồng hồ timeout    | Chiếc/đội           | 01 |    |    |  |
| 3                       | Máy bắn bóng       | Chiếc/đội           | 02 |    |    |  |
| 4                       | Máy đo vợt         | Chiếc/đội           | 02 |    |    |  |
| 5                       | Máy nhật bóng      | Chiếc/đội           | 02 |    |    |  |
| 6                       | Thùng đựng đá      | Chiếc/đội           | 04 |    |    |  |
| 7                       | Quần áo thi đấu    | Bộ/vđv              |    | 03 | 02 |  |
| 8                       | Quần áo tập luyện  | Bộ/vđv              |    | 03 | 02 |  |
| 9                       | Giày tập luyện     | Đôi/vđv             |    | 02 | 01 |  |
| 10                      | Giày thi đấu       | Đôi/vđv             |    | 01 | 01 |  |
| 11                      | Bảo vệ cổ chân     | Bộ/vđv              |    | 02 | 01 |  |

|           |                                  |                         |    |    |    |  |
|-----------|----------------------------------|-------------------------|----|----|----|--|
| 12        | Bảo vệ cổ tay                    | Bộ/vđv                  |    | 02 | 01 |  |
| 13        | Bảo vệ gối                       | Bộ/vđv                  |    | 02 | 01 |  |
| 14        | Bóng tập                         | Quả/vđv                 |    | 40 | 40 |  |
| 15        | Cột                              | Chiếc/vđv               |    | 02 |    |  |
| 16        | Dây nhảy                         | Chiếc/vđv               |    | 02 | 01 |  |
| 17        | Keo                              | Lọ/vđv                  |    | 02 | 02 |  |
| 18        | Mặt vợt                          | Chiếc/vđv               |    | 03 | 02 |  |
| 19        | Túi chườm đá                     | Chiếc/vđv               |    | 02 |    |  |
| <b>IV</b> | <b>Môn Bóng chuyền trong nhà</b> |                         |    |    |    |  |
| 1         | Giày tập luyện                   | Đôi/vđv                 |    | 02 | 02 |  |
| 2         | Giày thi đấu                     | Đôi/vđv                 |    | 02 | 02 |  |
| 3         | Quần áo tập luyện                | Bộ/vđv                  |    | 02 | 02 |  |
| 4         | Quần áo thi đấu                  | Bộ/vđv                  |    | 02 | 02 |  |
| 5         | Băng gối                         | Đôi/vđv                 |    | 02 | 02 |  |
| 6         | Băng sơ mi                       | Đôi/vđv                 |    | 02 | 02 |  |
| 7         | Bóng tập                         | Quả/vđv                 |    | 02 | 02 |  |
| 8         | Dây kéo đàn hồi tập tay          | Chiếc/vđv               |    | 01 | 01 |  |
| 9         | Dây nhảy                         | Chiếc/vđv               |    | 01 | 01 |  |
| 10        | Mũ mềm                           | Chiếc/vđv               |    | 02 | 02 |  |
| 11        | Túi chườm đá                     | Chiếc/vđv               |    | 01 | 01 |  |
| 12        | Xe đựng bóng                     | Chiếc/đội               |    | 01 |    |  |
| <b>V</b>  | <b>Môn Bóng đá 11 người</b>      |                         |    |    |    |  |
| 1         | Bảng chiến thuật cá nhân         | Chiếc/đội               | 02 |    |    |  |
| 2         | Giày tập luyện                   | Đôi/vđv                 |    | 01 | 01 |  |
| 3         | Giày thi đấu                     | Đôi/vđv                 |    | 01 | 01 |  |
| 4         | Quần áo tập luyện                | Bộ/vđv; Bộ/hlv          |    | 04 | 04 |  |
| 5         | Quần áo thi đấu                  | Chiếc/vđv               |    | 02 | 02 |  |
| 6         | Áo chiến thuật                   | Bộ/đội                  |    | 02 | 02 |  |
| 7         | Áo gió chống mưa                 | Chiếc/vđv;<br>Chiếc/hlv |    | 02 |    |  |
| 8         | Thùng đựng đá                    | Chiếc/đội               | 04 |    |    |  |

|                         |                                      |                         |    |    |    |  |
|-------------------------|--------------------------------------|-------------------------|----|----|----|--|
| 9                       | Bịt đầu gối                          | Chiếc/vđv               |    | 02 |    |  |
| 10                      | Bịt ống quyển                        | Đôi/vđv                 |    | 04 | 04 |  |
| 11                      | Bộ cờ góc                            | Chiếc/đội               |    | 08 |    |  |
| 12                      | Bóng tập luyện                       | Quả/vđv                 |    | 04 | 04 |  |
| 13                      | Cột dẫn bóng                         | Bộ/đội                  |    | 02 | 02 |  |
| 14                      | Cột mốc                              | Bộ/đội                  |    | 02 | 02 |  |
| 15                      | Dây nhảy                             | Chiếc/vđv               |    | 01 |    |  |
| 16                      | Găng tay thủ môn cho huấn luyện viên | Đôi/hlv                 |    | 02 | 02 |  |
| 17                      | Găng tay thủ môn cho vận động viên   | Đôi/vđv                 |    | 04 | 04 |  |
| 18                      | Hình nộm đá phạt                     | Bộ/đội                  |    | 01 |    |  |
| 19                      | Tất tập luyện                        | Đôi/vđv;<br>Đôi/hlv     |    | 04 | 04 |  |
| 20                      | Túi đựng bóng                        | Chiếc/đội               |    | 02 | 02 |  |
| 21                      | Túi xách đựng đồ tập luyện           | Chiếc/vđv;<br>Chiếc/hlv |    | 02 | 02 |  |
| <b>VI Môn Bơi - lặn</b> |                                      |                         |    |    |    |  |
| <b>A Nội dung Bơi</b>   |                                      |                         |    |    |    |  |
| 1                       | Bộ tạ tay từ 4kg đến 8 kg            | Bộ/30vđv                | 01 |    |    |  |
| 2                       | Máy tập phát triển cơ tay            | Chiếc/30vđv             | 01 |    |    |  |
| 3                       | Bộ bóng nhồi từ 4kg đến 5kg          | Bộ/vđv                  | 01 |    |    |  |
| 4                       | Quần cản nước                        | Chiếc/vđv               | 01 |    |    |  |
| 5                       | Quần, áo bơi tập luyện               | Bộ/vđv                  |    | 06 | 06 |  |
| 6                       | Quần, áo bơi thi đấu                 | Bộ/vđv                  |    | 02 |    |  |
| 7                       | Quần bó cơ                           | Chiếc/vđv               |    | 01 |    |  |
| 8                       | Áo bó cơ                             | Chiếc/vđv               |    | 01 |    |  |
| 9                       | Áo choàng giữ nhiệt                  | Chiếc/vđv               |    | 01 |    |  |
| 10                      | Kính bơi, mũ bơi thi đấu             | Bộ/vđv                  |    | 02 | 02 |  |
| 11                      | Kính bơi, mũ bơi tập luyện           | Bộ/hlv                  |    | 01 | 01 |  |
| 12                      | Kính bơi, mũ bơi tập luyện           | Bộ/vđv                  |    | 02 | 02 |  |
| 13                      | Bàn quạt nửa bàn tay                 | Đôi/vđv                 |    | 01 | 01 |  |

|                       |                            |               |    |    |    |  |
|-----------------------|----------------------------|---------------|----|----|----|--|
| 14                    | Chân vịt đôi               | Đôi/vđv       |    | 01 | 01 |  |
| 15                    | Dây cao su                 | Chiếc/vđv     |    | 02 | 02 |  |
| 16                    | Dây nhảy                   | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| 17                    | Dây thùng                  | Chiếc/đội     |    | 01 |    |  |
| 18                    | Khăn thấm nước             | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 19                    | Bộ tạ miếng từ 4kg đến 8kg | Đôi/vđv       |    | 09 |    |  |
| 20                    | Thảm nghỉ                  | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 21                    | Ván                        | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 22                    | Vòi hơi                    | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| 23                    | Bàn quạt cả bàn tay        | Đôi/vđv       |    | 01 | 01 |  |
| 24                    | Thiết bị đo mạch           | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| 25                    | Ống lăn massage            | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| <b>B Nội dung Lặn</b> |                            |               |    |    |    |  |
| 1                     | Bình khí nén               | Bộ/vđv        | 01 |    |    |  |
| 2                     | Vòi hơi                    | Chiếc/vđv     | 01 |    |    |  |
| 3                     | Áo bơi tập                 | Chiếc/vđv nữ  |    | 02 | 02 |  |
| 4                     | Áo bơi thi đấu             | Chiếc/vđv nữ  |    | 01 | 01 |  |
| 5                     | Áo bó cơ                   | Chiếc/vđv nữ  |    | 01 |    |  |
| 6                     | Quần bơi tập               | Chiếc/vđv nam |    | 02 | 02 |  |
| 7                     | Quần bơi thi đấu           | Chiếc/vđv nam |    | 01 |    |  |
| 8                     | Quần bó cơ                 | Chiếc/vđv nam |    | 01 |    |  |
| 9                     | Áo choàng giữ nhiệt        | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| 10                    | Mũ bơi                     | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 11                    | Bình đựng nước uống        | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| 12                    | Chân vịt bản lớn tập       | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 13                    | Chân vịt bản lớn thi đấu   | Chiếc/vđv     |    | 01 |    |  |
| 14                    | Chân vịt đôi tập           | Đôi/vđv       |    | 01 | 01 |  |
| 15                    | Chân vịt đôi thi đấu       | Đôi/vđv       |    | 01 |    |  |
| 16                    | Dây cao su                 | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 17                    | Khăn thấm nước             | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 18                    | Kính bơi                   | Chiếc/vđv     |    | 01 | 01 |  |

|                           |                                             |             |    |    |    |  |
|---------------------------|---------------------------------------------|-------------|----|----|----|--|
| 19                        | Lót chân                                    | Đôi/vđv     |    | 03 | 03 |  |
| 20                        | Máy nén khí                                 | Chiếc/đội   |    | 01 |    |  |
| 21                        | Thảm cá nhân                                | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 22                        | Ván đập chân                                | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 23                        | Dây nhảy                                    | Chiếc/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 24                        | Ống lăn massage                             | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 25                        | Vòi bình khí nén                            | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| <b>VII Môn Cầu mây</b>    |                                             |             |    |    |    |  |
| 1                         | Rào bật nhảy                                | Bộ/30vđv    | 02 |    |    |  |
| 2                         | Thùng đựng đá                               | Chiếc/đội   | 04 |    |    |  |
| 3                         | Cọc tiêu di chuyển                          | Chiếc/đội   | 30 |    |    |  |
| 4                         | Giá treo tập cầu cố định                    | Chiếc/đội   | 10 |    |    |  |
| 5                         | Xe đựng bóng                                | Chiếc/đội   | 02 |    |    |  |
| 6                         | Bó gói                                      | Đôi/vđv     |    | 03 | 03 |  |
| 7                         | Bó gót                                      | Đôi/vđv     |    | 03 | 03 |  |
| 8                         | Giày tập luyện                              | Đôi/vđv     |    | 03 | 03 |  |
| 9                         | Giày thi đấu                                | Đôi/vđv     |    | 02 | 01 |  |
| 10                        | Kính chống nắng (nội dung bãi biển)         | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 11                        | Quần áo tập luyện                           | Bộ/vđv      |    | 03 | 03 |  |
| 12                        | Quần áo thi đấu                             | Bộ/vđv      |    | 03 |    |  |
| 13                        | Dây nhảy                                    | Chiếc/vđv   |    | 02 | 01 |  |
| 14                        | Cọc lưới tập luyện                          | Bộ/đội      |    | 02 |    |  |
| 15                        | Thảm tập luyện                              | Bộ/đội      |    | 02 |    |  |
| 16                        | Cầu tập luyện và thi đấu                    | Quả/đội     |    | 28 |    |  |
| <b>VIII Môn Điền kinh</b> |                                             |             |    |    |    |  |
| <b>A</b>                  | <b>Các dụng cụ dùng chung môn điền kinh</b> |             |    |    |    |  |
| 1                         | Bàn đập                                     | Chiếc/30vđv | 10 |    |    |  |
| 2                         | Bóng đặc                                    | Quả/30vđv   | 20 |    |    |  |
| 3                         | Bục hỗ trợ kỹ thuật                         | Cái/30vđv   | 05 |    |    |  |
| 4                         | Dây chảo                                    | Cái/30vđv   | 06 |    |    |  |

|    |                                                                       |             |    |    |    |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|----|----|----|--|
| 5  | Đạn phát lệnh                                                         | Viên/30vđv  | 20 |    |    |  |
| 6  | Thùng đựng đá                                                         | Chiếc/đội   | 05 |    |    |  |
| 7  | Rào CNV                                                               | Chiếc/30vđv | 05 |    |    |  |
| 8  | Rào chạy                                                              | Chiếc/30vđv | 50 |    |    |  |
| 9  | Súng phát lệnh                                                        | Khẩu/30vđv  | 02 |    |    |  |
| 10 | Tạ bình vôi 5kg                                                       | Quả/30vđv   | 10 |    |    |  |
| 11 | Tạ bình vôi 7,5kg                                                     | Quả/30vđv   | 10 |    |    |  |
| 12 | Tạ bình vôi 10kg                                                      | Quả/30vđv   | 10 |    |    |  |
| 13 | Xe chuyển rào                                                         | Cái/30vđv   | 05 |    |    |  |
| 14 | Xe vận chuyển tạ lao đĩa                                              | Cái/30vđv   | 01 |    |    |  |
| 15 | Xe vận chuyển tạ xích                                                 | Cái/30vđv   | 01 |    |    |  |
|    | <b>Các nội dung cự ly ngắn,<br/>B chạy vượt rào, nhảy xa - 3 bước</b> |             |    |    |    |  |
| 1  | Đồng hồ (đo tốc độ cao)                                               | Bộ/tổ       | 05 |    |    |  |
| 2  | Gậy tiếp sức                                                          | Chiếc/vđv   | 01 |    |    |  |
| 3  | Tấm lưới thu cát                                                      | Chiếc/đội   | 05 |    |    |  |
| 4  | Ván dậm nhảy                                                          | Chiếc/đội   | 04 |    |    |  |
| 5  | Vật đánh dấu đà                                                       | Chiếc/vđv   | 02 |    |    |  |
| 6  | Áo 3 lỗ, quần bó                                                      | Bộ/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 7  | Áo bludon (lông vũ, dài)                                              | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 8  | Bộ quần áo gió (trời mưa)                                             | Bộ/hlv      |    | 01 |    |  |
| 9  | Dây chun (10m)                                                        | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 10 | Giày đinh tập luyện                                                   | Đôi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 11 | Giày đinh thi đấu                                                     | Đôi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 12 | Giày khởi động                                                        | Đôi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 13 | Giày mềm chuyên môn                                                   | Đôi/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 14 | Kính chống chói                                                       | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 15 | Miếng đệm trải khởi động                                              | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 16 | Quần áo đông xuân dài tay                                             | Bộ/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 17 | Quần áo ép cân                                                        | Bộ/vđv      |    | 01 |    |  |
| 18 | Quần áo thi đấu                                                       | Bộ/vđv      |    | 01 | 01 |  |

|          |                                                              |             |    |    |    |  |
|----------|--------------------------------------------------------------|-------------|----|----|----|--|
| 19       | Thước dây                                                    | Chiếc/đội   |    | 02 |    |  |
| 20       | Xẻng và trang cát                                            | Bộ/đội      |    | 02 |    |  |
| <b>C</b> | <b>Các nội dung cự ly trung bình, dài và chương ngại vật</b> |             |    |    |    |  |
| 1        | Đồng hồ (Smart watch)                                        | Chiếc/vđv   | 01 |    |    |  |
| 2        | Máy đếm vòng (cầm tay)                                       | Chiếc/đội   | 01 |    |    |  |
| 3        | Xe máy                                                       | Chiếc/đội   | 01 |    |    |  |
| 4        | Áo 3 lỗ, quần bó                                             | Bộ/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 5        | Áo bludon (lông vũ, dài)                                     | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 6        | Bộ quần áo gió (trời mưa)                                    | Bộ/hlv      |    | 01 |    |  |
| 7        | Dây chun (10m)                                               | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 8        | Dây nhảy 3m                                                  | Sợi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 9        | Giày đinh tập luyện                                          | Đôi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 10       | Giày đinh thi đấu                                            | Đôi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 11       | Giày khởi động                                               | Đôi/vđv     |    | 01 |    |  |
| 12       | Giày mềm chuyên môn                                          | Đôi/vđv     |    | 01 | 01 |  |
| 13       | Kính chống chói                                              | Chiếc/người |    | 01 |    |  |
| 14       | Miếng đệm trải khởi động                                     | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 15       | Quần áo đông xuân dài tay                                    | Bộ/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 16       | Quần áo thi đấu                                              | Bộ/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| <b>D</b> | <b>Các nội dung nhảy cao và nhảy sào</b>                     |             |    |    |    |  |
| 1        | Cột đỡ xà ngang                                              | Bộ/tổ       | 02 |    |    |  |
| 2        | Đệm và tấm phủ                                               | Bộ/tổ       | 02 |    |    |  |
| 3        | Palet đặt đệm                                                | Tấm/tổ      | 10 |    |    |  |
| 4        | Ván dậm nghiêng                                              | Chiếc/tổ    | 02 |    |    |  |
| 5        | Xà ngang                                                     | Chiếc/tổ    | 04 |    |    |  |
| 6        | Áo 3 lỗ, quần bó                                             | Bộ/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 7        | Áo bludon (lông vũ, dài)                                     | Chiếc/vđv   |    | 01 |    |  |
| 8        | Bộ quần áo gió (trời mưa)                                    | Bộ/hlv      |    | 01 |    |  |
| 9        | Đai lưng an toàn                                             | Chiếc/tổ    |    | 02 | 02 |  |

|          |                                |           |    |    |    |  |
|----------|--------------------------------|-----------|----|----|----|--|
| 10       | Dây chun (thay xà ngang)       | Chiếc/tổ  |    | 04 |    |  |
| 11       | Giày đinh tập luyện            | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 12       | Giày đinh thi đấu              | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 13       | Giày mềm chuyên môn            | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 14       | Kính chống chói                | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 15       | Miếng đệm trái khởi động       | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 16       | Quần áo đông xuân dài tay      | Bộ/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 17       | Quần áo ép cân                 | Bộ/vđv    |    | 01 |    |  |
| 18       | Quần áo thi đấu                | Bộ/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 19       | Thước đo chiều cao             | Chiếc/tổ  |    | 01 |    |  |
| <b>E</b> | <b>Các nội dung phối hợp</b>   |           |    |    |    |  |
| 1        | Cột đỡ xà ngang                | Bộ/tổ     | 02 |    |    |  |
| 2        | Đệm và tấm phủ                 | Bộ/tổ     | 02 |    |    |  |
| 3        | Bộ đĩa (từ 3 kg đến 7 kg)      | Bộ/tổ     | 10 |    |    |  |
| 4        | Bộ lao (từ 400 gr đến 1.000gr) | Bộ/tổ     | 10 |    |    |  |
| 5        | Palet đặt đệm                  | Tấm/tổ    | 10 |    |    |  |
| 6        | Bộ tạ quả (từ 4 kg đến 7 kg)   | Bộ/tổ     | 10 |    |    |  |
| 7        | Bộ tạ xích (từ 4 kg đến 7 kg)  | Bộ/tổ     | 10 |    |    |  |
| 8        | Ván dậm nhảy                   | Chiếc/tổ  | 02 |    |    |  |
| 9        | Xà ngang                       | Chiếc/tổ  | 04 |    |    |  |
| 10       | Dây chun 10m                   | Sợi/vđv   |    | 01 |    |  |
| 11       | Dây chun (thay xà ngang)       | Chiếc/tổ  |    | 04 |    |  |
| 12       | Dây nhảy                       | Sợi/vđv   |    | 01 |    |  |
| 13       | Đai lưng an toàn               | Chiếc/tổ  |    | 04 |    |  |
| 14       | Giày đẩy tạ - ném đĩa          | Đôi/vđv   |    | 02 |    |  |
| 15       | Giày đinh                      | Đôi/vđv   |    | 02 | 02 |  |
| 16       | Giày khởi động                 | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 17       | Kính chống chói                | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 18       | Quần áo thi đấu                | Bộ/vđv    |    | 02 |    |  |
| 19       | Thước đo nhảy cao              | Chiếc/tổ  |    | 02 |    |  |

|                      |                                    |           |    |    |    |  |
|----------------------|------------------------------------|-----------|----|----|----|--|
| 20                   | Thước đo nhảy xa                   | Chiếc/tổ  |    | 02 |    |  |
| 21                   | Vật đánh dấu đà                    | Chiếc/tổ  |    | 20 |    |  |
| 22                   | Xẻng và trang cát                  | Bộ/tổ     |    | 02 |    |  |
| <b>IX Môn Karate</b> |                                    |           |    |    |    |  |
| 1                    | Thùng đựng đá                      | Chiếc/đội | 04 |    |    |  |
| 2                    | Cột rào cản hình phễu              | Bộ/đội    | 02 |    |    |  |
| 3                    | Đích đá vuông                      | Chiếc/đội | 10 |    |    |  |
| 4                    | Đích đâm gắn tường                 | Chiếc/đội | 10 |    |    |  |
| 5                    | Thang dây                          | Chiếc/đội | 04 |    |    |  |
| 6                    | Võ phục tập luyện                  | Bộ/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 7                    | Võ phục thi đấu                    | Bộ/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 8                    | Bộ đồ ép cân                       | Bộ/vđv    |    | 01 |    |  |
| 9                    | Găng thi đấu                       | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 10                   | Găng tập luyện                     | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 11                   | Mũ tập luyện                       | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 12                   | Mũ thi đấu                         | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 13                   | Bao cát treo để đâm, đá            | Chiếc/đội |    | 04 |    |  |
| 14                   | Bảo vệ chân và ống quyển tập luyện | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 15                   | Bảo vệ chân và ống quyển thi đấu   | Đôi/vđv   |    | 01 |    |  |
| 16                   | Bảo vệ gối                         | Đôi/vđv   |    | 01 |    |  |
| 17                   | Bảo vệ thân thể (giáp) tập luyện   | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 18                   | Bảo vệ thân thể (giáp) thi đấu     | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 19                   | Bảo vệ ngực                        | Bộ/vđv nữ |    | 01 | 01 |  |
| 20                   | Bảo vệ răng tập luyện              | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 21                   | Bảo vệ răng thi đấu                | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 22                   | Đai tập luyện(xanh, đỏ)            | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 23                   | Đai thi đấu (xanh, đỏ)             | Chiếc/vđv |    | 02 |    |  |
| 24                   | Dây chun tập đâm, đá               | Chiếc/vđv |    | 02 |    |  |
| 25                   | Dây nhảy                           | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |

|          |                                                          |                |    |    |    |  |
|----------|----------------------------------------------------------|----------------|----|----|----|--|
| 26       | Kuki                                                     | Chiếc/vđv      |    | 02 |    |  |
| 27       | Lam pơ to                                                | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 28       | Lam pơ nhỏ                                               | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 29       | Túi chườm đá                                             | Chiếc/vđv      |    | 01 |    |  |
| 30       | Vợt đá đôi                                               | Chiếc/vđv      |    | 01 |    |  |
| 31       | Vợt đá đơn                                               | Chiếc/vđv      |    | 01 |    |  |
| <b>X</b> | <b>Môn Taekwondo</b>                                     |                |    |    |    |  |
| <b>A</b> | <b>Nội dung đối kháng</b>                                |                |    |    |    |  |
| 1        | Thùng đựng đá                                            | Chiếc/đội      | 04 |    |    |  |
| 2        | Hình nộm người                                           | Chiếc/đội      | 05 |    |    |  |
| 3        | Áo giáp điện tử                                          | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 4        | Áo giáp thường                                           | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 5        | Áo thun khởi động                                        | Chiếc/vđv      |    | 04 | 04 |  |
| 6        | Võ phục tập luyện                                        | Bộ/vđv; Bộ/hlv |    | 01 | 01 |  |
| 7        | Võ phục thi đấu                                          | Bộ/vđv         |    | 02 | 02 |  |
| 8        | Quần áo ép cân                                           | Bộ/vđv         |    | 01 | 01 |  |
| 9        | Mũ tập luyện, thi đấu thường<br>(không gắn chip điện tử) | Chiếc/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 10       | Mũ tập luyện, thi đấu điện tử                            | Chiếc/vđv      |    | 01 |    |  |
| 11       | Tất điện tử                                              | Đôi/vđv        |    | 02 | 02 |  |
| 12       | Giày tập taekwondo                                       | Đôi/vđv        |    | 02 | 02 |  |
| 13       | Găng tay                                                 | Đôi/vđv        |    | 02 | 02 |  |
| 14       | Bao cát treo để đâm, đá                                  | Chiếc/đội      |    | 10 |    |  |
| 15       | Kuki                                                     | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 16       | Bảo vệ mu bàn chân                                       | Bộ/vđv         |    | 02 | 02 |  |
| 17       | Bảo vệ ngực                                              | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 18       | Bảo vệ tay chân                                          | Bộ/vđv         |    | 02 | 02 |  |
| 19       | Bịt cổ chân                                              | Đôi/vđv        |    | 02 | 02 |  |
| 20       | Bịt gối                                                  | Đôi/vđv        |    | 02 | 02 |  |
| 21       | Bịt răng                                                 | Chiếc/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 22       | Cột rào cản hình phễu                                    | Bộ/đội         |    | 02 |    |  |

|          |                                                                               |            |  |    |    |  |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|--|----|----|--|
| 23       | Dây chun                                                                      | Chiếc/vđv  |  | 02 | 02 |  |
| 24       | Dây kéo đàn hồi tập đá                                                        | Chiếc/vđv  |  | 01 |    |  |
| 25       | Dây nhảy                                                                      | Chiếc/vđv  |  | 01 |    |  |
| 26       | Địch đá kép                                                                   | Chiếc/vđv  |  | 01 | 01 |  |
| 27       | Địch đá vuông                                                                 | Chiếc/2vđv |  | 01 | 01 |  |
| 28       | Địch đâm gần tường                                                            | Chiếc/đội  |  | 05 | 05 |  |
| 29       | Miếng đá lớn                                                                  | Chiếc/đội  |  | 02 | 02 |  |
| 30       | Túi chườm đá                                                                  | Chiếc/vđv  |  | 02 |    |  |
| 31       | Mũ tập luyện, thi đấu có kính chắn (dành cho lứa tuổi dưới 15, đội tuyển trẻ) | Chiếc/vđv  |  | 01 | 01 |  |
| 32       | Thang dây                                                                     | Bộ/đội     |  | 01 | 01 |  |
| 33       | Bục gỗ                                                                        | Chiếc/đội  |  | 10 |    |  |
| 34       | Bóng bán nguyệt tập thăng bằng                                                | Chiếc/đội  |  | 10 |    |  |
| 35       | Băng keo cuộn                                                                 | cuộn/vđv   |  | 10 | 10 |  |
| 36       | Băng thun cổ chân                                                             | cuộn/vđv   |  | 10 | 10 |  |
| 37       | Băng thun cổ tay                                                              | cuộn/vđv   |  | 10 | 10 |  |
| 38       | Băng thun gối                                                                 | cuộn/vđv   |  | 10 | 10 |  |
| 39       | Bình xịt lạnh                                                                 | bình/vđv   |  | 05 | 05 |  |
| 40       | Băng keo cơ co dẫn                                                            | cuộn/vđv   |  | 10 | 10 |  |
| <b>B</b> | <b>Nội dung biểu diễn (Poomsae)</b>                                           |            |  |    |    |  |
| 1        | Áo thun khởi động                                                             | Chiếc/vđv  |  | 04 | 04 |  |
| 2        | Võ phục tập luyện                                                             | Bộ/vđv     |  | 02 | 02 |  |
| 3        | Võ phục thi đấu                                                               | Bộ/vđv     |  | 02 | 02 |  |
| 4        | Bịt cổ chân                                                                   | Bộ/vđv     |  | 02 | 02 |  |
| 5        | Bịt gối                                                                       | Bộ/vđv     |  | 02 | 02 |  |
| 6        | Dây chun                                                                      | Chiếc/vđv  |  | 02 | 02 |  |
| 7        | Địch đá kép                                                                   | Chiếc/vđv  |  | 04 | 04 |  |
| 8        | Miếng đá lớn                                                                  | Chiếc/đội  |  | 02 | 02 |  |
| 9        | Túi chườm đá                                                                  | Chiếc/vđv  |  | 01 |    |  |

|           |                           |              |    |    |    |  |
|-----------|---------------------------|--------------|----|----|----|--|
| 10        | Đệm hơi (dài 12m)         | Chiếc/đội    | 02 |    |    |  |
| 11        | Đệm mút hơi               | Chiếc/đội    |    | 05 | 05 |  |
| 12        | Cục mút vuông             | Chiếc/đội    |    | 05 | 05 |  |
| 13        | Bóng tròn hơi             | Quả/đội      |    | 01 |    |  |
| 14        | Giày tập taekwondo        | Đôi/hlv,vđv  |    | 01 | 01 |  |
| 15        | Băng keo cuộn             | Cuộn/vđv     |    | 10 | 10 |  |
| 16        | Băng thun cổ chân         | Cuộn/vđv     |    | 10 | 10 |  |
| 17        | Băng thun cổ tay          | Cuộn/vđv     |    | 10 | 10 |  |
| 18        | Băng thun gối             | Cuộn/vđv     |    | 10 | 10 |  |
| 19        | Bình xịt lạnh             | Bình/vđv     |    | 05 | 05 |  |
| 20        | Bộ trang điểm             | Bộ/vđv       |    | 01 | 01 |  |
| 21        | Băng keo cơ co dẫn        | Cuộn/vđv     |    | 10 | 10 |  |
| 22        | Đĩa nhạc                  | Đĩa/nội dung |    | 08 | 08 |  |
| <b>XI</b> | <b>Môn Vovinam</b>        |              |    |    |    |  |
| <b>A</b>  | <b>Nội dung đối kháng</b> |              |    |    |    |  |
| 1         | Thùng đựng đá             | Chiếc/đội    | 04 |    |    |  |
| 2         | Đích đá vuông             | Chiếc/đội    | 10 |    |    |  |
| 3         | Đích đâm gấn tường        | Chiếc/đội    | 10 |    |    |  |
| 4         | Võ phục tập luyện         | Bộ/vđv       |    | 02 | 02 |  |
| 5         | Võ phục thi đấu           | Bộ/vđv       |    | 02 | 02 |  |
| 6         | Áo giáp                   | Chiếc/vđv    |    | 02 | 02 |  |
| 7         | Bộ đồ ép cân              | Bộ/vđv       |    | 02 |    |  |
| 8         | Găng                      | Đôi/vđv      |    | 02 | 02 |  |
| 9         | Mũ bảo vệ đầu             | Chiếc/vđv    |    | 02 | 02 |  |
| 10        | Bao cát treo              | Chiếc/đội    |    | 04 |    |  |
| 11        | Bảo vệ chân               | Đôi/vđv      |    | 01 | 01 |  |
| 12        | Bảo vệ gối                | Đôi/vđv      |    | 01 |    |  |
| 13        | Bảo vệ ngực               | Chiếc/vđv    |    | 01 |    |  |
| 14        | Bảo vệ răng               | Chiếc/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 15        | Bảo vệ tay                | Đôi/vđv      |    | 02 |    |  |
| 16        | Bịt cổ chân               | Đôi/vđv      |    | 01 | 01 |  |

|            |                                                  |           |    |    |    |  |
|------------|--------------------------------------------------|-----------|----|----|----|--|
| 17         | Cột rào cản hình phễu                            | Bộ/đội    |    | 02 |    |  |
| 18         | Đai (xanh, đỏ)                                   | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 19         | Dây chun tập đấm, đá                             | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 20         | Dây nhảy                                         | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 21         | Kuki                                             | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 22         | Lampo nhỏ                                        | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 23         | Lampo to                                         | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 24         | Túi chườm đá                                     | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 25         | Vợt đá đôi                                       | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 26         | Vợt đá đơn                                       | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| <b>B</b>   | <b>Nội dung biểu diễn</b>                        |           |    |    |    |  |
| 1          | Võ phục tập luyện                                | Bộ/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 2          | Võ phục thi đấu                                  | Bộ/vđv    |    | 01 | 01 |  |
| 3          | Côn                                              | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 4          | Đai (xanh, đỏ)                                   | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| 5          | Đai đao                                          | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 6          | Dao găm (song đao)                               | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 7          | Dây nhảy                                         | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 8          | Kiểm song luyện                                  | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 9          | Mã tấu                                           | Chiếc/vđv |    | 01 | 01 |  |
| 10         | Túi chườm đá                                     | Chiếc/vđv |    | 01 |    |  |
| <b>XII</b> | <b>Môn Xe đạp (Nội dung Xe đạp đường trường)</b> |           |    |    |    |  |
| 1          | Roller                                           | Chiếc/vđv | 01 |    |    |  |
| 2          | Thùng đựng đá                                    | Chiếc/đội | 04 |    |    |  |
| 3          | Đùi đĩa, cốt chén                                | Bộ/vđv    | 01 |    |    |  |
| 4          | Yên xe                                           | Chiếc/vđv | 01 |    |    |  |
| 5          | Pêđan                                            | Đôi/vđv   | 01 |    |    |  |
| 6          | Quần áo tập                                      | Bộ/vđv    |    | 02 | 02 |  |
| 7          | Giày                                             | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |
| 8          | Găng tay xe đạp                                  | Đôi/vđv   |    | 01 | 01 |  |

|    |                      |               |  |    |    |    |
|----|----------------------|---------------|--|----|----|----|
| 9  | Mũ bảo hiểm          | Chiếc/vđv     |  | 01 | 01 |    |
| 10 | Kính đua             | Chiếc/vđv     |  | 01 | 01 |    |
| 11 | Bình nước uống       | Chiếc/vđv     |  | 05 | 05 |    |
| 12 | Bơm                  | Chiếc/đội     |  | 01 | 01 |    |
| 13 | Cặp bánh sơ cua      | Cặp/đội       |  | 04 | 04 |    |
| 14 | Dây đề đĩa, lốp      | Bộ/vđv        |  | 01 | 01 |    |
| 15 | Dây cuộn ghi đông    | Bộ/vđv        |  | 01 | 01 |    |
| 16 | Dây phanh trước, sau | Bộ/vđv        |  | 01 | 01 |    |
| 17 | Lốp liền săm         | Cặp/vđv       |  | 01 | 01 |    |
| 18 | Má phanh             | Bộ/vđv        |  | 01 | 01 |    |
| 19 | Tắt xe đạp           | Đôi/vđv       |  | 02 | 02 |    |
| 20 | Xích, lốp            | Cặp/vđv       |  | 02 | 02 |    |
| 21 | Group chuyển động    | Bộ/vđv/tháng  |  |    |    | 02 |
| 22 | Săm, lốp             | Đôi/vđv/tháng |  |    |    | 04 |

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN,**  
**THI ĐẤU THỂ THAO CHO VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN**  
**ĐỘI TUYỂN TỈNH CỦA TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU**  
**THỂ DỤC THỂ THAO**  
*(Kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh)*

**A. ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP THỂ LỰC CHUNG CHO VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN TỈNH CÁC MÔN THỂ THAO:**

| STT | Tên trang thiết bị                   | Đơn vị tính | Định mức trang thiết bị có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên |
|-----|--------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------|
| 1   | Bóng tập thể lực đa năng             | Quả/20vđv   | 1                                                              |
| 2   | Dàn gánh tạ đa năng                  | Bộ/30vđv    | 1                                                              |
| 3   | Máy tập đa năng hỗ trợ nhiều nhóm cơ | Bộ/50vđv    | 1                                                              |
| 4   | Cân điện tử                          | Cái/50vđv   | 1                                                              |

**B. ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN, THI ĐẤU THỂ THAO CHUNG CHO VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI TUYỂN TỈNH CÁC MÔN THỂ THAO:**

| STT | Tên trang thiết bị | Đơn vị tính          | Định mức trang thiết bị có thời gian sử dụng dưới 01 năm |             |
|-----|--------------------|----------------------|----------------------------------------------------------|-------------|
|     |                    |                      | Lần thứ nhất                                             | Lần thứ hai |
| 1   | Giày tập thể lực   | Đôi/vđv; Đôi/hlv     | 2                                                        | 2           |
| 2   | Tất                | Đôi/vđv; Đôi/hlv     | 6                                                        | 6           |
| 3   | Quần áo gió        | Bộ/vđv; Bộ/hlv       | 1                                                        | 1           |
| 4   | Khăn tắm           | Chiếc/vđv; Chiếc/hlv | 2                                                        | 2           |
| 5   | Túi đựng đồ        | Chiếc/vđv; Chiếc/hlv | 1                                                        |             |
| 6   | Còi                | Chiếc/hlv            | 1                                                        | 1           |
| 7   | Đồng hồ bấm giây   | Chiếc/hlv            | 1                                                        |             |
| 8   | Mũ mềm             | Chiếc/vđv; Chiếc/hlv | 1                                                        | 1           |

**C. ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ TẬP HUẤN, THI ĐẤU THỂ THAO CHO VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN ĐỘI TUYỂN TỈNH TỪNG MÔN THỂ THAO:**

| STT       | Tên trang thiết bị  | Đơn vị tính | Định mức trang thiết bị             |                               |             |                           |
|-----------|---------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------|-------------|---------------------------|
|           |                     |             | Thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên | Thời gian sử dụng dưới 01 năm |             |                           |
|           |                     |             |                                     | Lần thứ nhất                  | Lần thứ hai | Cấp theo ngày, theo tháng |
| <b>I</b>  | <b>Môn Bắn cung</b> |             |                                     |                               |             |                           |
| 1         | Quần áo tập luyện   | Bộ/vđv      |                                     | 2                             |             |                           |
| 2         | Quần áo thi đấu     | Bộ/vđv      |                                     | 1                             | 1           |                           |
| 3         | Áo bắn              | Chiếc/vđv   |                                     | 1                             |             |                           |
| 4         | Giày tập luyện      | Đôi/vđv     |                                     | 1                             | 1           |                           |
| 5         | Giày thi đấu        | Đôi/vđv     |                                     | 1                             | 1           |                           |
| 6         | Tất tập luyện       | Đôi/vđv     |                                     | 2                             | 2           |                           |
| 7         | Tất thi đấu         | Đôi/vđv     |                                     | 1                             | 1           |                           |
| 8         | Bao tay cung 1 dây  | Chiếc/vđv   |                                     | 2                             | 2           |                           |
| 9         | Bao tên             | Chiếc/vđv   |                                     | 1                             |             |                           |
| 10        | Dây cung            | Cuộn/vđv    |                                     | 2                             | 2           |                           |
| 11        | Thước ngắm          | Chiếc/vđv   |                                     | 1                             |             |                           |
| 12        | Giá đỡ cung         | Chiếc/vđv   |                                     | 1                             |             |                           |
| 13        | Tên                 | Hộp/vđv     |                                     | 3                             | 3           |                           |
| 14        | Cánh tên            | Hộp/vđv     |                                     | 18                            | 18          |                           |
| 15        | Chỉnh tên           | Chiếc/vđv   |                                     | 1                             |             |                           |
| 16        | Đầu tên             | Hộp/vđv     |                                     | 6                             | 6           |                           |
| 17        | Đuôi tên            | Hộp/vđv     |                                     | 6                             | 6           |                           |
| 18        | Lõi đuôi nhôm       | Túi/vđv     |                                     | 12                            | 12          |                           |
| 19        | Bia, giá đỡ bia     | Bộ/đội      |                                     | 25                            |             |                           |
| 20        | Giấy bia            | Tờ/vđv      |                                     | 50                            | 50          |                           |
| 21        | Kính xem điểm trạm  | Chiếc/vđv   |                                     | 1                             |             |                           |
| <b>II</b> | <b>Môn Bì sắt</b>   |             |                                     |                               |             |                           |
| 1         | Bảng điểm điện tử   | Bộ/đội      | 4                                   |                               |             |                           |
| 2         | Bộ thi kỹ thuật     | Bộ/đội      | 4                                   |                               |             |                           |
| 3         | Quần áo tập luyện   | Bộ/vđv      |                                     | 1                             | 1           |                           |

|            |                        |                  |   |    |    |  |
|------------|------------------------|------------------|---|----|----|--|
| 4          | Quần áo thi đấu        | Bộ/vđv           |   | 2  | 1  |  |
| 5          | Giày tập luyện         | Đôi/vđv; Đôi/hlv |   | 1  |    |  |
| 6          | Giày thi đấu           | Đôi/vđv          |   | 1  |    |  |
| 7          | Bi đích                | Viên/vđv         |   | 5  | 5  |  |
| 8          | Bi tập luyện           | Bộ/vđv           |   | 1  |    |  |
| 9          | Bi thi đấu             | Bộ/vđv           |   | 1  |    |  |
| 10         | Khăn lau bi            | Chiếc/vđv        |   | 1  | 1  |  |
| 11         | Mũ rộng vành           | Chiếc/vđv        |   | 1  | 1  |  |
| 12         | Thước đo               | Chiếc/hlv        |   | 1  |    |  |
| <b>III</b> | <b>Môn Bóng bàn</b>    |                  |   |    |    |  |
| 1          | Đồng hồ timeout        | Chiếc/đội        | 1 |    |    |  |
| 2          | Máy đo vợt             | Chiếc/đội        | 2 |    |    |  |
| 3          | Máy nhật bóng          | Chiếc/đội        | 2 |    |    |  |
| 4          | Thùng đựng đá          | Chiếc/đội        | 4 |    |    |  |
| 5          | Quần áo thi đấu        | Bộ/vđv           |   | 3  | 2  |  |
| 6          | Quần áo tập luyện      | Bộ/vđv           |   | 3  | 2  |  |
| 7          | Giày tập luyện         | Đôi/vđv          |   | 2  | 1  |  |
| 8          | Giày thi đấu           | Đôi/vđv          |   | 1  | 1  |  |
| 9          | Bảo vệ cổ chân         | Bộ/vđv           |   | 2  | 1  |  |
| 10         | Bảo vệ cổ tay          | Bộ/vđv           |   | 2  | 1  |  |
| 11         | Bảo vệ gối             | Bộ/vđv           |   | 2  | 1  |  |
| 12         | Bóng tập               | Quả/vđv          |   | 40 | 40 |  |
| 13         | Cột                    | Chiếc/vđv        |   | 2  |    |  |
| 14         | Dây nhảy               | Chiếc/vđv        |   | 2  | 1  |  |
| 15         | Keo                    | Lọ/vđv           |   | 2  | 2  |  |
| 16         | Mặt vợt                | Chiếc/vđv        |   | 3  | 2  |  |
| 17         | Túi chườm đá           | Chiếc/vđv        |   | 2  |    |  |
| <b>IV</b>  | <b>Môn Bóng chuyền</b> |                  |   |    |    |  |
| 1          | Giày tập luyện         | Đôi/vđv          |   | 2  | 2  |  |
| 2          | Giày thi đấu           | Đôi/vđv          |   | 2  | 2  |  |
| 3          | Quần áo tập luyện      | Bộ/vđv           |   | 2  | 2  |  |
| 4          | Quần áo thi đấu        | Bộ/vđv           |   | 2  | 2  |  |
| 5          | Băng gối               | Đôi/vđv          |   | 2  | 2  |  |
| 6          | Băng sơ mi             | Đôi/vđv          |   | 2  | 2  |  |

|           |                                      |                     |    |   |   |  |
|-----------|--------------------------------------|---------------------|----|---|---|--|
| 7         | Bóng tập                             | Quả/vđv             |    | 2 | 2 |  |
| 8         | Dây kéo đàn hồi tập tay              | Chiếc/vđv           |    | 1 | 1 |  |
| 9         | Dây nhảy                             | Chiếc/vđv           |    | 1 | 1 |  |
| 10        | Mũ mềm                               | Chiếc/vđv           |    | 2 | 2 |  |
| 11        | Túi chườm đá                         | Chiếc/vđv           |    | 1 | 1 |  |
| 12        | Xe đựng bóng                         | Chiếc/đội           |    | 1 |   |  |
| <b>V</b>  | <b>Môn Bóng đá</b>                   |                     |    |   |   |  |
| 1         | Bảng chiến thuật cá nhân             | Chiếc/đội           | 02 |   |   |  |
| 2         | Giày tập luyện                       | Đôi/vđv             |    | 1 | 1 |  |
| 3         | Giày thi đấu                         | Đôi/vđv             |    | 1 | 1 |  |
| 4         | Quần áo tập luyện                    | Bộ/vđv;Bộ/hlv       |    | 4 | 4 |  |
| 5         | Quần áo thi đấu                      | Chiếc/vđv           |    | 2 | 2 |  |
| 6         | Áo chiến thuật                       | Bộ/đội              |    | 2 | 2 |  |
| 7         | Áo gió chống mưa                     | Chiếc/vđv;Chiếc/hlv |    | 2 |   |  |
| 8         | Thùng đựng đá                        | Chiếc/đội           | 4  |   |   |  |
| 9         | Bịt đầu gối                          | Chiếc/vđv           |    | 2 |   |  |
| 10        | Bịt ống quyển                        | Đôi/vđv             |    | 4 | 4 |  |
| 11        | Bộ cờ góc                            | Chiếc/đội           |    | 8 |   |  |
| 12        | Bóng tập luyện                       | Quả/vđv             |    | 4 | 4 |  |
| 13        | Cột dẫn bóng                         | Bộ/đội              |    | 2 | 2 |  |
| 14        | Cột mốc                              | Bộ/đội              |    | 2 | 2 |  |
| 15        | Dây nhảy                             | Chiếc/vđv           |    | 1 |   |  |
| 16        | Găng tay thủ môn cho huấn luyện viên | Đôi/hlv             |    | 2 | 2 |  |
| 17        | Găng tay thủ môn cho vận động viên   | Đôi/vđv             |    | 4 | 4 |  |
| 18        | Hình nộm đá phạt                     | Bộ/đội              |    | 1 |   |  |
| 19        | Tất tập luyện                        | Đôi/vđv; Đôi/hlv    |    | 4 | 4 |  |
| 20        | Túi đựng bóng                        | Chiếc/đội           |    | 2 | 2 |  |
| 21        | Túi xách đựng đồ tập luyện           | Chiếc/vđv;Chiếc/hlv |    | 2 | 2 |  |
| <b>VI</b> | <b>Môn Bơi - lặn</b>                 |                     |    |   |   |  |
| <b>A</b>  | <b>Nội dung Bơi</b>                  |                     |    |   |   |  |
| 1         | Bộ tạ tay từ 4kg đến 8 kg            | Bộ/30vđv            | 1  |   |   |  |

|          |                             |               |   |   |   |  |
|----------|-----------------------------|---------------|---|---|---|--|
| 2        | Máy tập phát triển cơ tay   | Chiếc/30vđv   | 1 |   |   |  |
| 3        | Bộ bóng nhồi từ 4kg đến 5kg | Bộ/vđv        | 1 |   |   |  |
| 4        | Quần cản nước               | Chiếc/vđv     | 1 |   |   |  |
| 5        | Quần, áo bơi tập luyện      | Bộ/vđv        |   | 6 | 6 |  |
| 6        | Quần, áo bơi thi đấu        | Bộ/vđv        |   | 2 |   |  |
| 7        | Quần bó cơ                  | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| 8        | Áo bó cơ                    | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| 9        | Áo choàng giữ nhiệt         | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| 10       | Kính bơi, mũ bơi thi đấu    | Bộ/vđv        |   | 2 | 2 |  |
| 11       | Kính bơi, mũ bơi tập luyện  | Bộ/hlv        |   | 1 | 1 |  |
| 12       | Kính bơi, mũ bơi tập luyện  | Bộ/vđv        |   | 2 | 2 |  |
| 13       | Bàn quạt nửa bàn tay        | Đôi/vđv       |   | 1 | 1 |  |
| 14       | Chân vịt đôi                | Đôi/vđv       |   | 1 | 1 |  |
| 15       | Dây cao su                  | Chiếc/vđv     |   | 2 | 2 |  |
| 16       | Dây nhảy                    | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| 17       | Dây thùng                   | Chiếc/đội     |   | 1 |   |  |
| 18       | Khăn thấm nước              | Chiếc/vđv     |   | 1 | 1 |  |
| 19       | Bộ tạ miếng từ 4kg đến 8kg  | Đôi/vđv       |   | 9 |   |  |
| 20       | Thảm nghỉ                   | Chiếc/vđv     |   | 1 | 1 |  |
| 21       | Ván                         | Chiếc/vđv     |   | 1 | 1 |  |
| 22       | Vòi hơi                     | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| 23       | Bàn quạt cả bàn tay         | Đôi/vđv       |   | 1 | 1 |  |
| 24       | Thiết bị đo mạch            | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| 25       | Ống lăn massage             | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |  |
| <b>B</b> | <b>Nội dung Luyện</b>       |               |   |   |   |  |
| 1        | Bình khí nén                | Bộ/vđv        | 1 |   |   |  |
| 2        | Vòi hơi                     | Chiếc/vđv     | 1 |   |   |  |
| 3        | Áo bơi tập                  | Chiếc/vđv nữ  |   | 2 | 2 |  |
| 4        | Áo bơi thi đấu              | Chiếc/vđv nữ  |   | 1 | 1 |  |
| 5        | Áo bó cơ                    | Chiếc/vđv nữ  |   | 1 |   |  |
| 6        | Quần bơi tập                | Chiếc/vđv nam |   | 2 | 2 |  |

|            |                                     |               |    |   |   |  |
|------------|-------------------------------------|---------------|----|---|---|--|
| 7          | Quần bơi thi đấu                    | Chiếc/vđv nam |    | 1 |   |  |
| 8          | Quần bó cơ                          | Chiếc/vđv nam |    | 1 |   |  |
| 9          | Áo choàng giữ nhiệt                 | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 10         | Mũ bơi                              | Chiếc/vđv     |    | 1 | 1 |  |
| 11         | Bình đựng nước uống                 | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 12         | Chân vịt bản lớn tập                | Chiếc/vđv     |    | 1 | 1 |  |
| 13         | Chân vịt bản lớn thi đấu            | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 14         | Chân vịt đôi tập                    | Đôi/vđv       |    | 1 | 1 |  |
| 15         | Chân vịt đôi thi đấu                | Đôi/vđv       |    | 1 |   |  |
| 16         | Dây cao su                          | Chiếc/vđv     |    | 1 | 1 |  |
| 17         | Khăn thấm nước                      | Chiếc/vđv     |    | 1 | 1 |  |
| 18         | Kính bơi                            | Chiếc/vđv     |    | 1 | 1 |  |
| 19         | Lót chân                            | Đôi/vđv       |    | 3 | 3 |  |
| 20         | Máy nén khí                         | Chiếc/đội     |    | 1 |   |  |
| 21         | Thảm cá nhân                        | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 22         | Ván đập chân                        | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 23         | Dây nhảy                            | Chiếc/vđv     |    | 1 | 1 |  |
| 24         | Ống lăn massage                     | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 25         | Vòi bình khí nén                    | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| <b>VII</b> | <b>Môn Cầu mây</b>                  |               |    |   |   |  |
| 1          | Rào bật nhảy                        | Bộ/30vđv      | 2  |   |   |  |
| 2          | Thùng đựng đá                       | Chiếc/đội     | 4  |   |   |  |
| 3          | Cọc tiêu di chuyển                  | Chiếc/đội     | 30 |   |   |  |
| 4          | Giá treo tập cầu cố định            | Chiếc/đội     | 10 |   |   |  |
| 5          | Xe đựng bóng                        | Chiếc/đội     | 2  |   |   |  |
| 6          | Bó gối                              | Đôi/vđv       |    | 3 | 3 |  |
| 7          | Bó gót                              | Đôi/vđv       |    | 3 | 3 |  |
| 8          | Giày tập luyện                      | Đôi/vđv       |    | 3 | 3 |  |
| 9          | Giày thi đấu                        | Đôi/vđv       |    | 2 | 1 |  |
| 10         | Kính chống nắng (nội dung bãi biển) | Chiếc/vđv     |    | 1 |   |  |
| 11         | Quần áo tập luyện                   | Bộ/vđv        |    | 3 | 3 |  |
| 12         | Quần áo thi đấu                     | Bộ/vđv        |    | 3 |   |  |
| 13         | Dây nhảy                            | Chiếc/vđv     |    | 2 | 1 |  |
| 14         | Cọc, lưới tập luyện                 | Bộ/đội        |    | 2 |   |  |

|             |                                                                 |             |    |    |   |  |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|----|----|---|--|
| 15          | Thảm tập luyện                                                  | Bộ/đội      |    | 2  |   |  |
| 16          | Cầu tập luyện và thi đấu                                        | Quả/đội     |    | 28 |   |  |
| <b>VIII</b> | <b>Môn Điền kinh</b>                                            |             |    |    |   |  |
| <b>A</b>    | <b>Các dụng cụ dùng chung môn điền kinh</b>                     |             |    |    |   |  |
| 1           | Bàn đạp                                                         | Chiếc/30vđv | 10 |    |   |  |
| 2           | Bóng đặc                                                        | Quả/30vđv   | 20 |    |   |  |
| 3           | Bục hỗ trợ kỹ thuật                                             | Cái/30vđv   | 5  |    |   |  |
| 4           | Dây chèo                                                        | Cái/30vđv   | 6  |    |   |  |
| 5           | Đạn phát lệnh                                                   | Viên/30vđv  | 20 |    |   |  |
| 6           | Thùng đựng đá                                                   | Chiếc/đội   | 5  |    |   |  |
| 7           | Rào CNV                                                         | Chiếc/30vđv | 5  |    |   |  |
| 8           | Rào chạy                                                        | Chiếc/30vđv | 50 |    |   |  |
| 9           | Súng phát lệnh                                                  | Khẩu/30vđv  | 2  |    |   |  |
| 10          | Tạ bình vôi 5kg                                                 | Quả/30vđv   | 10 |    |   |  |
| 11          | Tạ bình vôi 7,5kg                                               | Quả/30vđv   | 10 |    |   |  |
| 12          | Tạ bình vôi 10kg                                                | Quả/30vđv   | 10 |    |   |  |
| 13          | Xe chuyển rào                                                   | Cái/30vđv   | 5  |    |   |  |
| 14          | Xe vận chuyển tạ lao đĩa                                        | Cái/30vđv   | 1  |    |   |  |
| 15          | Xe vận chuyển tạ xích                                           | Cái/30vđv   | 1  |    |   |  |
| <b>B</b>    | <b>Các nội dung cự ly ngắn, chạy vượt rào, nhảy xa - 3 bước</b> |             |    |    |   |  |
| 1           | Đồng hồ (đo tốc độ cao)                                         | Bộ/tổ       | 5  |    |   |  |
| 2           | Gậy tiếp sức                                                    | Chiếc/vđv   | 1  |    |   |  |
| 3           | Tấm lưới thu cát                                                | Chiếc/đội   | 5  |    |   |  |
| 4           | Ván dậm nhảy                                                    | Chiếc/đội   | 4  |    |   |  |
| 5           | Vật đánh dấu đà                                                 | Chiếc/vđv   | 2  |    |   |  |
| 6           | Áo 3 lỗ, quần bó                                                | Bộ/vđv      |    | 1  | 1 |  |
| 7           | Áo bludon (lông vũ, dài)                                        | Chiếc/vđv   |    | 1  |   |  |
| 8           | Bộ quần áo gió (trời mưa)                                       | Bộ/hlv      |    | 1  |   |  |
| 9           | Dây chun (10m)                                                  | Chiếc/vđv   |    | 1  |   |  |
| 10          | Giày đinh tập luyện                                             | Đôi/vđv     |    | 1  |   |  |

|          |                                                              |             |   |   |   |  |
|----------|--------------------------------------------------------------|-------------|---|---|---|--|
| 11       | Giày đinh thi đấu                                            | Đôi/vđv     |   | 1 |   |  |
| 12       | Giày khởi động                                               | Đôi/vđv     |   | 1 |   |  |
| 13       | Giày mềm chuyên môn                                          | Đôi/vđv     |   | 1 | 1 |  |
| 14       | Kính chống chói                                              | Chiếc/vđv   |   | 1 |   |  |
| 15       | Miếng đệm trái khởi động                                     | Chiếc/vđv   |   | 1 |   |  |
| 16       | Quần áo đông xuân dài tay                                    | Bộ/vđv      |   | 1 | 1 |  |
| 17       | Quần áo ép cân                                               | Bộ/vđv      |   | 1 |   |  |
| 18       | Quần áo thi đấu                                              | Bộ/vđv      |   | 1 | 1 |  |
| 19       | Thước dây                                                    | Chiếc/đội   |   | 2 |   |  |
| 20       | Xăng và trang cát                                            | Bộ/đội      |   | 2 |   |  |
| <b>C</b> | <b>Các nội dung cự ly trung bình, dài và chướng ngại vật</b> |             |   |   |   |  |
| 1        | Đồng hồ (Smart watch)                                        | Chiếc/vđv   | 1 |   |   |  |
| 2        | Máy đếm vòng (cầm tay)                                       | Chiếc/đội   | 1 |   |   |  |
| 3        | Xe máy                                                       | Chiếc/đội   | 1 |   |   |  |
| 4        | Áo 3 lỗ, quần bó                                             | Bộ/vđv      |   | 1 | 1 |  |
| 5        | Áo bludon (lông vũ, dài)                                     | Chiếc/vđv   |   | 1 |   |  |
| 6        | Bộ quần áo gió (trời mưa)                                    | Bộ/hlv      |   | 1 |   |  |
| 7        | Dây chun (10m)                                               | Chiếc/vđv   |   | 1 |   |  |
| 8        | Dây nhảy 3m                                                  | Sợi/vđv     |   | 1 |   |  |
| 9        | Giày đinh tập luyện                                          | Đôi/vđv     |   | 1 |   |  |
| 10       | Giày đinh thi đấu                                            | Đôi/vđv     |   | 1 |   |  |
| 11       | Giày khởi động                                               | Đôi/vđv     |   | 1 |   |  |
| 12       | Giày mềm chuyên môn                                          | Đôi/vđv     |   | 1 | 1 |  |
| 13       | Kính chống chói                                              | Chiếc/người |   | 1 |   |  |
| 14       | Miếng đệm trái khởi động                                     | Chiếc/vđv   |   | 1 |   |  |
| 15       | Quần áo đông xuân dài tay                                    | Bộ/vđv      |   | 1 | 1 |  |
| 16       | Quần áo thi đấu                                              | Bộ/vđv      |   | 2 | 2 |  |
| <b>D</b> | <b>Các nội dung nhảy cao và nhảy sào</b>                     |             |   |   |   |  |
| 1        | Cột đỡ xà ngang                                              | Bộ/tổ       | 2 |   |   |  |

|          |                                |           |    |   |   |  |
|----------|--------------------------------|-----------|----|---|---|--|
| 2        | Đệm và tấm phủ                 | Bộ/tổ     | 2  |   |   |  |
| 3        | Palet đặt đệm                  | Tấm/tổ    | 10 |   |   |  |
| 4        | Ván dậm nghiêng                | Chiếc/tổ  | 2  |   |   |  |
| 5        | Xà ngang                       | Chiếc/tổ  | 4  |   |   |  |
| 6        | Áo 3 lỗ, quần bó               | Bộ/vđv    |    | 1 | 1 |  |
| 7        | Áo bludon (lông vũ, dài)       | Chiếc/vđv |    | 1 |   |  |
| 8        | Bộ quần áo gió (trời mưa)      | Bộ/hlv    |    | 1 |   |  |
| 9        | Đai lưng an toàn               | Chiếc/tổ  |    | 2 | 2 |  |
| 10       | Dây chun (thay xà ngang)       | Chiếc/tổ  |    | 4 |   |  |
| 11       | Giày đinh tập luyện            | Đôi/vđv   |    | 1 | 1 |  |
| 12       | Giày đinh thi đấu              | Đôi/vđv   |    | 1 | 1 |  |
| 13       | Giày mềm chuyên môn            | Đôi/vđv   |    | 1 | 1 |  |
| 14       | Kính chống chói                | Chiếc/vđv |    | 1 |   |  |
| 15       | Miếng đệm trái khởi động       | Chiếc/vđv |    | 1 |   |  |
| 16       | Quần áo đông xuân dài tay      | Bộ/vđv    |    | 1 | 1 |  |
| 17       | Quần áo ép cân                 | Bộ/vđv    |    | 1 |   |  |
| 18       | Quần áo thi đấu                | Bộ/vđv    |    | 1 | 1 |  |
| 19       | Thước đo chiều cao             | Chiếc/tổ  |    | 1 |   |  |
| <b>E</b> | <b>Các nội dung phối hợp</b>   |           |    |   |   |  |
| 1        | Cột đỡ xà ngang                | Bộ/tổ     | 2  |   |   |  |
| 2        | Đệm và tấm phủ                 | Bộ/tổ     | 2  |   |   |  |
| 3        | Bộ đĩa (từ 3 kg đến 7 kg)      | Bộ/tổ     | 10 |   |   |  |
| 4        | Bộ lao (từ 400 gr đến 1.000gr) | Bộ/tổ     | 10 |   |   |  |
| 5        | Palet đặt đệm                  | Tấm/tổ    | 10 |   |   |  |
| 6        | Bộ tạ quả (từ 4 kg đến 7 kg)   | Bộ/tổ     | 10 |   |   |  |
| 7        | Bộ tạ xích (từ 4 kg đến 7 kg)  | Bộ/tổ     | 10 |   |   |  |
| 8        | Ván dậm nhảy                   | Chiếc/tổ  | 2  |   |   |  |
| 9        | Xà ngang                       | Chiếc/tổ  | 4  |   |   |  |
| 10       | Dây chun 10m                   | Sợi/vđv   |    | 1 |   |  |
| 11       | Dây chun (thay xà ngang)       | Chiếc/tổ  |    | 4 |   |  |

|           |                                                       |                |   |    |   |  |
|-----------|-------------------------------------------------------|----------------|---|----|---|--|
| 12        | Dây nhảy                                              | Sợi/vđv        |   | 1  |   |  |
| 13        | Đai lưng an toàn                                      | Chiếc/tổ       |   | 4  |   |  |
| 14        | Giày đẩy tạ - ném đĩa                                 | Đôi/vđv        |   | 2  |   |  |
| 15        | Giày đinh                                             | Đôi/vđv        |   | 2  | 2 |  |
| 16        | Giày khởi động                                        | Đôi/vđv        |   | 1  | 1 |  |
| 17        | Kính chống chói                                       | Chiếc/vđv      |   | 1  |   |  |
| 18        | Quần áo thi đấu                                       | Bộ/vđv         |   | 2  |   |  |
| 19        | Thước đo nhảy cao                                     | Chiếc/tổ       |   | 2  |   |  |
| 20        | Thước đo nhảy xa                                      | Chiếc/tổ       |   | 2  |   |  |
| 21        | Vật đánh dấu đà                                       | Chiếc/tổ       |   | 20 |   |  |
| 22        | Xăng và trang cát                                     | Bộ/tổ          |   | 2  |   |  |
| <b>IX</b> | <b>Môn Taekwondo</b>                                  |                |   |    |   |  |
| 1         | Thùng đựng đá                                         | Chiếc/đội      | 4 |    |   |  |
| 2         | Áo giáp thường                                        | Chiếc/vđv      |   | 2  | 2 |  |
| 3         | Áo thun khởi động                                     | Chiếc/vđv      |   | 4  | 4 |  |
| 4         | Võ phục tập luyện                                     | Bộ/vđv; Bộ/hlv |   | 1  | 1 |  |
| 5         | Võ phục thi đấu                                       | Bộ/vđv         |   | 2  | 2 |  |
| 6         | Quần áo ép cân                                        | Bộ/vđv         |   | 1  | 1 |  |
| 7         | Mũ tập luyện, thi đấu thường (không gắn chip điện tử) | Chiếc/vđv      |   | 1  | 1 |  |
| 8         | Mũ tập luyện, thi đấu điện tử                         | Chiếc/vđv      |   | 1  |   |  |
| 9         | Giày tập taekwondo                                    | Đôi/vđv        |   | 2  | 2 |  |
| 10        | Găng tay                                              | Đôi/vđv        |   | 2  | 2 |  |
| 11        | Bao cát treo để đâm, đá                               | Chiếc/đội      |   | 10 |   |  |
| 12        | Kuki                                                  | Chiếc/vđv      |   | 2  | 2 |  |
| 13        | Bảo vệ mu bàn chân                                    | Bộ/vđv         |   | 2  | 2 |  |
| 14        | Bảo vệ ngực                                           | Chiếc/vđv      |   | 2  | 2 |  |
| 15        | Bảo vệ tay chân                                       | Bộ/vđv         |   | 2  | 2 |  |
| 16        | Bịt cổ chân                                           | Đôi/vđv        |   | 2  | 2 |  |
| 17        | Bịt gối                                               | Đôi/vđv        |   | 2  | 2 |  |

|          |                                                                               |            |    |    |    |  |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|----|----|----|--|
| 18       | Bịt răng                                                                      | Chiếc/vđv  |    | 2  | 2  |  |
| 19       | Cột rào cản hình phễu                                                         | Bộ/đội     |    | 2  |    |  |
| 20       | Dây chun                                                                      | Chiếc/vđv  |    | 2  | 2  |  |
| 21       | Dây kéo đàn hồi tập đá                                                        | Chiếc/vđv  |    | 1  |    |  |
| 22       | Dây nhảy                                                                      | Chiếc/vđv  |    | 1  |    |  |
| 23       | Địch đá kép                                                                   | Chiếc/vđv  |    | 1  | 1  |  |
| 24       | Địch đá vuông                                                                 | Chiếc/2vđv |    | 1  | 1  |  |
| 25       | Địch đâm gắn tường                                                            | Chiếc/đội  |    | 5  | 5  |  |
| 26       | Miếng đá lớn                                                                  | Chiếc/đội  |    | 2  | 2  |  |
| 27       | Túi chườm đá                                                                  | Chiếc/vđv  |    | 2  |    |  |
| 28       | Mũ tập luyện, thi đấu có kính chắn (dành cho lứa tuổi dưới 15, đội tuyển trẻ) | Chiếc/vđv  |    | 1  | 1  |  |
| 29       | Thang dây                                                                     | Bộ/đội     |    | 1  | 1  |  |
| 30       | Bục gỗ                                                                        | Chiếc/đội  |    | 10 |    |  |
| 31       | Bóng bán nguyệt tập thăng bằng                                                | Chiếc/đội  |    | 10 |    |  |
| 32       | Băng keo cuốn                                                                 | cuộn/vđv   |    | 10 | 10 |  |
| 33       | Băng thun cổ chân                                                             | cuộn/vđv   |    | 10 | 10 |  |
| 34       | Băng thun cổ tay                                                              | cuộn/vđv   |    | 10 | 10 |  |
| 35       | Băng thun gối                                                                 | cuộn/vđv   |    | 10 | 10 |  |
| 36       | Bình xịt lạnh                                                                 | bình/vđv   |    | 5  | 5  |  |
| 37       | Băng keo cơ co dãn                                                            | cuộn/vđv   |    | 10 | 10 |  |
| <b>X</b> | <b>Môn Vovinam</b>                                                            |            |    |    |    |  |
| <b>A</b> | <b>Nội dung đối kháng</b>                                                     |            |    |    |    |  |
| 1        | Thùng đựng đá                                                                 | Chiếc/đội  | 4  |    |    |  |
| 2        | Địch đá vuông                                                                 | Chiếc/đội  | 10 |    |    |  |
| 3        | Địch đâm gắn tường                                                            | Chiếc/đội  | 10 |    |    |  |
| 4        | Võ phục tập luyện                                                             | Bộ/vđv     |    | 2  | 2  |  |
| 5        | Võ phục thi đấu                                                               | Bộ/vđv     |    | 2  | 2  |  |
| 6        | Áo giáp                                                                       | Chiếc/vđv  |    | 2  | 2  |  |
| 7        | Bộ đồ ép cân                                                                  | Bộ/vđv     |    | 2  |    |  |
| 8        | Găng                                                                          | Đôi/vđv    |    | 2  | 2  |  |

|           |                                                  |           |   |   |   |  |
|-----------|--------------------------------------------------|-----------|---|---|---|--|
| 9         | Mũ bảo vệ đầu                                    | Chiếc/vđv |   | 2 | 2 |  |
| 10        | Bao cát treo                                     | Chiếc/đội |   | 4 |   |  |
| 11        | Bảo vệ chân                                      | Đôi/vđv   |   | 1 | 1 |  |
| 12        | Bảo vệ gối                                       | Đôi/vđv   |   | 1 |   |  |
| 13        | Bảo vệ ngực                                      | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| 14        | Bảo vệ răng                                      | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 15        | Bảo vệ tay                                       | Đôi/vđv   |   | 2 |   |  |
| 16        | Bịt cổ chân                                      | Đôi/vđv   |   | 1 | 1 |  |
| 17        | Cột rào cản hình phễu                            | Bộ/đội    |   | 2 |   |  |
| 18        | Đai (xanh, đỏ)                                   | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| 19        | Dây chun tập đấm, đá                             | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 20        | Dây nhảy                                         | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 21        | Kuki                                             | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 22        | Lampo nhỏ                                        | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 23        | Lampo to                                         | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 24        | Túi chườm đá                                     | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| 25        | Vợt đá đôi                                       | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| 26        | Vợt đá đơn                                       | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| <b>B</b>  | <b>Nội dung biểu diễn</b>                        |           |   |   |   |  |
| 1         | Võ phục tập luyện                                | Bộ/vđv    |   | 1 | 1 |  |
| 2         | Võ phục thi đấu                                  | Bộ/vđv    |   | 1 | 1 |  |
| 3         | Côn                                              | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| 4         | Đai (Xanh, đỏ)                                   | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| 5         | Đai đao                                          | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 6         | Dao găm (song đao)                               | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 7         | Dây nhảy                                         | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 8         | Kiểm song luyện                                  | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 9         | Mã tấu                                           | Chiếc/vđv |   | 1 | 1 |  |
| 10        | Túi chườm đá                                     | Chiếc/vđv |   | 1 |   |  |
| <b>XI</b> | <b>Môn Xe đạp (Nội dung xe đạp đường trường)</b> |           |   |   |   |  |
| 1         | Roller                                           | Chiếc/vđv | 1 |   |   |  |
| 2         | Thùng đựng đá                                    | Chiếc/đội | 4 |   |   |  |
| 3         | Đùi đĩa, cột chén                                | Bộ/vđv    | 1 |   |   |  |

|    |                      |               |   |   |   |   |
|----|----------------------|---------------|---|---|---|---|
| 4  | Yên xe               | Chiếc/vđv     | 1 |   |   |   |
| 5  | Pêđan                | Đôi/vđv       | 1 |   |   |   |
| 6  | Quần áo tập          | Bộ/vđv        |   | 2 | 2 |   |
| 7  | Giày                 | Đôi/vđv       |   | 1 | 1 |   |
| 8  | Găng tay xe đạp      | Đôi/vđv       |   | 1 | 1 |   |
| 9  | Mũ bảo hiểm          | Chiếc/vđv     |   | 1 | 1 |   |
| 10 | Kính đua             | Chiếc/vđv     |   | 1 | 1 |   |
| 11 | Bình nước uống       | Chiếc/vđv     |   | 5 | 5 |   |
| 12 | Bơm                  | Chiếc/đội     |   | 1 | 1 |   |
| 13 | Cặp bánh sơ cua      | Cặp/đội       |   | 4 | 4 |   |
| 14 | Dây đề đĩa, líp      | Bộ/vđv        |   | 1 | 1 |   |
| 15 | Đồng hồ đo nhịp tim  | Chiếc/vđv     |   | 1 |   |   |
| 16 | Dây cuốn ghi đông    | Bộ/vđv        |   | 1 | 1 |   |
| 17 | Dây phanh trước, sau | Bộ/vđv        |   | 1 | 1 |   |
| 18 | Lốp liên săm         | Cặp/vđv       |   | 1 | 1 |   |
| 19 | Má phanh             | Bộ/vđv        |   | 1 | 1 |   |
| 20 | Tắt xe đạp           | Đôi/vđv       |   | 2 | 2 |   |
| 21 | Xích, líp            | Cặp/vđv       |   | 2 | 2 |   |
| 22 | Group chuyển động    | Bộ/vđv/tháng  |   |   |   | 2 |
| 23 | Săm, lốp             | Đôi/vđv/tháng |   |   |   | 4 |